TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30-11-2023
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Tú.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Xuân Thư
Ông Đào Duy Chuyên

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Binh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa*:**
Ông Nguyễn Văn Long - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 273/2023/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 288/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Anh Lê Đức B, sinh năm 1990. Có mặt.

Địa chỉ: Phố Tr, thị trấn S, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

2. *Bị đơn*: Chị Hà Thị Th, sinh năm 1991. Vắng mặt.

Quê quán: Đội 3 thôn 10, xã Q, huyện Th, tỉnh Thanh Hóa.

Địa chỉ nơi đăng ký thường trú: Phố Tr, thị trấn S, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/9/2023, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn anh Lê Đức B thể hiện như sau:

Anh Lê Đức B và chị Hà Thị Th tự nguyện kết hôn với nhau, làm thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy B nhân dân xã Hoằng Vinh (nay là thị trấn S), huyện H, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 04/11/2013. Sau khi cưới anh chị sống hòa thuận với nhau khoảng 09 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do có nhiều bất đồng, tính tình không hợp, cuộc sống vợ chồng luôn mâu thuẫn, vì vậy dẫn đến cãi cọ và anh B

có tát chị Th một cái nên vợ chồng sống ly thân từ tháng 12/2022 đến nay. Nay anh B nhận thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, không thể kéo dài cuộc sống vợ chồng thêm được nữa nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Hà Thị Th.

Về con: Anh chị 03 con chung là cháu Lê Thị Ngọc D, sinh ngày 31/8/2014, cháu Lê Thị Ng, sinh ngày 13/11/2015, cháu Lê Đức B, sinh năm 29/11/2018. Hiện cả ba cháu đều đang ở với anh B. Anh B đề nghị được trực tiếp nuôi cả ba con và không yêu cầu chị Hà Thị Th phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và công nợ: Anh Lê Đức B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Hà Thị Th không có mặt tại Tòa án để trình bày ý kiến của mình, dù đã được triệu tập hợp lệ.

Bản tự khai của cháu Lê Thị Ngọc D và cháu Lê Thị Ng thể hiện: Do bố mẹ cháu không ở được với nhau, cháu muốn được ở với bố Lê Đức B.

Theo biên bản xác minh ngày 05/10/2023 và ngày 13/10/2023 tại Ủy B nhân dân thị trấn S, huyện H, tỉnh Thanh Hóa thể hiện:

Hiện tại chị Hà Thị Th không có mặt tại thị trấn S, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Anh Lê Đức B và chị Hà Thị Th đăng ký kết hôn tại UBND xã Hoằng Vinh (nay là thị trấn S), huyện H, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 04/11/2013. Sau khi kết hôn, anh chị đăng ký nơi thường trú và sinh sống tại phố Tr, thị trấn S, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Anh chị có ba con chung là cháu Lê Thị Ngọc D, sinh ngày 31/8/2014; Lê Thị Ng, sinh ngày 13/11/2015 và Lê Đức B, sinh ngày 29/11/2018. Tại địa phương, anh B và chị Th chung sống bình thường, không có mâu thuẫn gì. Đến khoảng cuối năm 2022, anh chị có xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân với nhau, cụ thể mâu thuẫn như thế nào và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng thì địa phương không rõ. Nay anh B đề nghị ly hôn chị Th, quan điểm của địa phương là anh B có công việc thu nhập ổn định, đủ điều kiện về kinh tế để chăm sóc các con nên địa phương đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Theo biên bản làm việc ngày 06/10/2023 tại xã Q, huyện Th, tỉnh Thanh Hóa, mẹ đẻ chị Hà Thị Th là bà Bùi Thị N cho biết: Chị Hà Thị Th đi lấy chồng tại phố Tr, thị trấn S, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Sau đó mâu thuẫn với chồng là anh Lê Đức B thế nào bà N không rõ, chị Th bỏ đi làm ăn. Bà N không biết chị Th đi làm ở đâu nhưng chị Th thường xuyên gọi điện về cho bà. Chị Th cũng biết việc anh B ly hôn chị, nhưng do điều kiện công việc nên chị Th không về đến Tòa án H được. Bà N đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo luật định. Bà N cam đoan sẽ thông báo nội dung các văn bản tố tụng của Tòa án cho chị Th biết.

Lãnh đạo địa phương cho biết: Chị Hà Thị Th hiện không cư trú trên địa bàn xã Q, huyện Th, tỉnh Thanh Hóa. Chị Hà Thị Th đã kết hôn với anh Lê Đức B từ năm 2013 và sau khi kết hôn đã chuyển đi ở cùng chồng tại thị trấn S, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H trình bày nhận xét về trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ, đảm bảo trình tự, thủ tục từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; người tham gia tố tụng đã được thực hiện đầy đủ, đảm bảo đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Đức B, xử cho anh Lê Đức B được ly hôn chị Hà Thị Th. Về con: Đề nghị công nhận anh Lê Đức B và chị Hà Thị Th có 03 con chung là cháu Lê Thị Ngọc D, sinh ngày 31/8/2014, cháu Lê Thị Ng, sinh ngày 13/11/2015, cháu Lê Đức B, sinh năm 29/11/2018. Do hiện nay cả ba cháu đang ở với anh B, anh B đề nghị được trực tiếp nuôi cả ba cháu, cháu Lê Thị Ngọc D và Lê Thị Ng đều có nguyện vọng xin được ở với bố. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử giao cả ba cháu Lê Thị Ngọc D, Lê Thị Ng và Lê Đức B cho anh Lê Đức B trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: anh Lê Đức B không yêu cầu nên đề nghị không xem xét. Về tài sản và công nợ: Anh Lê Đức B không yêu cầu nên đề nghị không xem xét. Về án phí: Đề nghị buộc anh Lê Đức B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn anh Lê Đức B không có sự thay đổi, bổ sung, rút một phần hoặc toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tòa án đã thu thập tài liệu chứng cứ bằng biện pháp xác minh về tình trạng hôn nhân và nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp giữa anh Lê Đức B và chị Hà Thị Th theo quy định tại khoản 3 Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Lê Đức B có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải và chỉ mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa ngày 15/11/2023, bị đơn là chị Hà Thị Th vắng mặt không có lý do dù đã được triệu tập hợp lệ nên Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1

Điều 227, Điều 233 và 235 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, chị Hà Thị Th vắng mặt không có lý do căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Anh Lê Đức B và chị Hà Thị Th tự nguyện kết hôn, làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy B nhân dân xã Hoằng Vinh (nay là thị trấn S), huyện H, Thanh Hóa ngày 04/11/2013 theo đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân & gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh Lê Đức B và chị Hà Thị Th sống hạnh phúc cho đến gần đây thì phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn nổi, phải sống ly thân. Anh Lê Đức B nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mong muốn được ly hôn với chị Hà Thị Th. Dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng chị Hà Thị Th vẫn vắng mặt, không đến Tòa án trình bày quan điểm và tham gia tố tụng thể hiện chị Th cố tình trốn tránh. Như vậy tình trạng hôn nhân của anh chị đã thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Đức B là phù hợp với tình trạng hôn nhân hiện nay của anh chị.

[3] Về con: Anh Lê Đức B và chị Hà Thị Th 03 con chung là cháu Lê Thị Ngọc D, sinh ngày 31/8/2014, cháu Lê Thị Ng, sinh ngày 13/11/2015, cháu Lê Đức B, sinh năm 29/11/2018. Hiện cả ba cháu đều đang ở với anh B. Anh B đề nghị được trực tiếp nuôi cả ba cháu, hai cháu Lê Thị Ngọc D và Lê Thị Ng đều có nguyện vọng xin được ở với bố. Vì vậy, giao cả ba cháu Lê Thị Ngọc D, Lê Thị Ng và Lê Đức B cho anh Lê Đức B trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lê Đức B không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn là anh Lê Đức B phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271, Điều 273 và khoản 2 Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 51; 56; 58; 81; 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ B Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Về hôn nhân: Anh Lê Đức B được ly hôn với chị Hà Thị Th.

Về con: Công nhận anh Lê Đức B và chị Hà Thị Th có 03 con chung là cháu Lê Thị Ngọc D, sinh ngày 31/8/2014, cháu Lê Thị Ng, sinh ngày 13/11/2015, cháu Lê Đức B, sinh năm 29/11/2018. Giao cả ba cháu Lê Thị Ngọc D, Lê Thị Ng và Lê Đức B cho anh Lê Đức B trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Hà Thị Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Nếu chị Th lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của anh B thì anh B có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị Th.

Về án phí: Buộc anh Lê Đức B chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H theo biên lai thu số AA/2021/0011689 ngày 02/10/2023 (Anh Lê Đức B đã thi hành xong).

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Anh Lê Đức B được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Hà Thị Th được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Thanh Hóa;*
- *VKSND huyện H;*
- *Chi cục THADS huyện H;*
- *UBND thị trấn S;*
- *Các đương sự.*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Ngọc Tú

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Tâm **Lường Thị Huyền** **Lê Thị Ngọc Tú**